

Số: 11/ĐA-UBND

Quài Tờ, ngày 25 tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại các bản trên địa bàn xã Quài Tờ

Thực hiện Kế hoạch số 4294/KH-UBND, ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Phương án số 4841/PA-UBND, ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh của UBND tỉnh Điện Biên về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ủy ban nhân dân xã Quài Tờ xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các bản trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP CÁC BẢN

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ

Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Kết luận số 163-KL/TW, ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Kết luận số 186-KL/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Nghị định số 185/NĐ-CP, ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới;

Chỉ thị số 21/CT-TTg, ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Kế hoạch số 4294/KH-UBND, ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Văn bản số 4343/UBND-NC, ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc triển khai, hướng dẫn một số nội dung thực hiện sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố;

Phương án số 06/PA-UBND, ngày 29/5/2026 của UBND xã Quài Tở về việc sắp xếp bản và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở các bản trên địa bàn xã Quài Tở;

Phương án 4841/PA-UBND, ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh của UBND tỉnh Điện Biên về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

II. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN SẮP XẾP

Việc sắp xếp, tổ chức lại bản bản là yêu cầu cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay. Xã Quài Tở đã xây dựng phương án sắp xếp 31 bản với tiêu chí quy định tại Nghị định số 185/NĐ-CP của Chính phủ các bản thuộc khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc phải có từ 150 hộ gia đình trở lên. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, toàn xã có 19 bản với tổng số 3.224 hộ dân và 15.163 nhân khẩu. Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, giữ vững quốc phòng, an

ninh, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, tạo thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, một số bản trên địa bàn còn có quy mô nhỏ, dân cư phân tán, chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; tổ chức bộ máy và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách còn công kèn, kiêm nhiệm nhiều chức danh, chất lượng hoạt động chưa đồng đều, trong khi yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở ngày càng cao, nhất là trong công tác quản lý dân cư, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giữ gìn an ninh trật tự và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc triển khai sắp xếp bản cần bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, thực hiện công khai, dân chủ, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

Xã Quài Tở có Đèo Pha Đin là địa danh có truyền thống lịch sử gắn liền với Chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ. Đồng thời, đây cũng là không gian sinh tồn, giao thoa văn hóa lâu đời của nhiều dân tộc anh em như Thái, Mông, Khơ Mú, Kinh và các dân tộc khác.

Bên cạnh đó, trong xu thế phát triển hiện đại, tên gọi các đơn vị dân cư không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính mà còn là một bộ phận cấu thành bản sắc địa phương, góp phần xây dựng hình ảnh, thương hiệu và niềm tự hào cộng đồng.

Vì vậy, việc nghiên cứu, lựa chọn và chuẩn hóa hệ thống tên gọi các bản sau sắp xếp là yêu cầu khách quan, cần thiết, có ý nghĩa lâu dài cả về lịch sử, văn hóa, xã hội và quản lý nhà nước.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÁC BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUÀI TỞ

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Quài Tở được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (Quài Tở, Tênh Phong và Tỏa Tình) theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025.

Sau sáp nhập, xã có diện tích tự nhiên 182,87 km², phía Bắc giáp xã Pú Nhung; phía Tây giáp các xã Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Búng Lao và xã Mường Lạn; phía Nam giáp xã Mường Bám của tỉnh Sơn La; phía Đông giáp các xã Long Hẹ, Mường É, Bình Thuận, Quỳnh Nhai của tỉnh Sơn La.

Dân số trên 15.000 người, với 10 dân tộc cùng sinh sống, cư trú tại 31 bản, dân tộc thiểu số chiếm trên 96,2% tổng dân số toàn xã, trong đó (dân tộc Thái 61,0%, dân tộc Mông 30,6%, dân tộc Kinh 3,8%, các dân tộc khác 4,6%). Mỗi

dân tộc trong xã đều có bản sắc, truyền thống văn hoá riêng, đoàn kết cùng nhau phát triển tạo nên bản sắc văn hoá chung của cộng đồng các dân tộc xã Quài Tở.

Sau sáp nhập, cấp ủy Đảng, chính quyền phường đã từng bước lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn bộ máy tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở; đồng thời ban hành các chương trình, kế hoạch nhằm bảo đảm hoạt động của hệ thống chính trị được vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thực hiện đồng bộ, kịp thời, bảo đảm không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được duy trì và triển khai theo kế hoạch. Hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh trên địa bàn cơ bản ổn định; công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường được tăng cường; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Bên cạnh đó, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh và phường được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Qua đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và phát triển địa phương.

II. THỰC TRẠNG CÁC BẢN

1. Tình hình hoạt động tại bản

Xã Quài Tở có nhiều bản phân bố không đồng đều, một số bản có quy mô nhỏ, dân cư ít, cơ sở hạ tầng và điều kiện phát triển còn hạn chế.

Các hoạt động của các tổ chức tự quản như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, được thực hiện theo quy định của pháp luật...

2. Số lượng bản

a) Toàn xã hiện có: 31 bản.

b) Quy mô số hộ gia đình trên địa bàn xã: 3.224 hộ; 15.163 nhân khẩu. Đối chiếu với quy định hiện hành (theo quy định tại Nghị định 185/NĐ-CP), toàn xã có:

- + 04 bản đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình;
- + 27 bản chưa đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình;
- + 30 bản có yếu tố đặc thù;
- + 30 bản thuộc vùng dân tộc thiểu số;
- + 11 bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập.

c) Đánh giá về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu:

Đến nay các bản đều có điện, đường, trường học, nhiều bản có nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết tương đồng....

Người dân có tinh thần đoàn kết cộng đồng cao; các bản có sự tương đồng về văn hóa, dân tộc; các cụm dân cư có mối liên hệ truyền thống lâu đời; các bản liền kề thuộc cùng xã cũ nên thuận lợi cho việc tổ chức lại.

Tuy nhiên đa số bản có địa hình miền núi chia cắt; một số bản khoảng cách đi lại còn xa; người dân có tâm lý muốn giữ tên gọi truyền thống; việc bố trí cán bộ sau sắp xếp cần thực hiện thận trọng để bảo đảm ổn định.

(có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

3. Về thực hiện chế độ, chính sách

Việc thực hiện kinh phí sáp nhập bản theo hướng dẫn tại Văn bản số 3804/STC-QLNS, ngày 10/6/2026 của Sở Tài Chính về việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Phần thứ ba NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU THỰC HIỆN SẮP XẾP BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUÀI TỎ

I. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Việc thực hiện sắp xếp bản phải bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ và yêu cầu quản lý địa bàn tại địa phương; đồng thời xem xét đầy đủ các yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết của cộng đồng dân cư, nhất là tại địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Trong quá trình triển khai thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

2. Thực hiện sắp xếp đối với các bản chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư phù hợp với đặc điểm tình hình trên địa bàn. Đồng thời, căn cứ đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa và yêu cầu quản lý thực tế, HĐND cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi của cộng đồng dân cư phù hợp với thực tiễn địa phương (bản).

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn trong quá trình thực hiện sắp xếp; đảm bảo

người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp bản theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

II. NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN BẢN

1. Nguyên tắc đặt tên bản

Việc lựa chọn, đặt tên các bản mới hình thành sau sắp xếp được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, kế thừa các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

Ưu tiên lựa chọn những tên gọi có ý nghĩa lịch sử, văn hóa, góp phần xây dựng bản sắc riêng và nâng cao niềm tự hào, ý thức gắn kết cộng đồng của Nhân dân.

Ưu tiên lựa chọn các địa danh truyền thống, địa danh văn hóa tiêu biểu của địa phương, bảo đảm tính kế thừa, giữ gìn những giá trị đã được hình thành, lưu giữ trong đời sống xã hội và được cộng đồng dân cư thừa nhận, gắn bó qua nhiều thế hệ.

Bảo đảm tính ổn định lâu dài, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân và thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, tránh việc thay đổi tên gọi nhiều lần, hạn chế phát sinh các thủ tục hành chính, góp phần ổn định đời sống, sinh hoạt và hoạt động của cộng đồng dân cư sau sắp xếp.

2. Tác động và hiệu quả của việc đặt tên bản sau sắp xếp

Việc xây dựng hệ thống tên gọi mới cho các bản sau sắp xếp trên địa bàn xã sẽ tạo ra những tác động tích cực và toàn diện trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của phường.

Hệ thống tên gọi mới sẽ tạo thuận lợi trong công tác quản lý hành chính, quản lý dân cư, đất đai, hộ tịch và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử thống nhất; đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số.

Bên cạnh đó, hệ thống tên gọi mới còn góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc, tăng cường sự gắn kết cộng đồng, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và tạo dựng không gian văn hóa mang đậm dấu ấn riêng của địa phương.

Việc lựa chọn tên gọi trên cơ sở các giá trị lịch sử, văn hóa và địa danh truyền thống cũng bảo đảm tính ổn định lâu dài, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân, hạn chế việc điều chỉnh trong tương lai và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước sau sắp xếp đơn vị dân cư.

III. MỤC TIÊU

Sắp xếp, sáp nhập bản hiện có trên địa bàn chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP để thành lập các bản mới để thực hiện mục tiêu đã đặt ra trong Nghị quyết của Trung ương, của Đảng và các Chỉ thị, Kế hoạch, Phương án của tỉnh. Sau khi sắp xếp trên địa bàn xã giảm từ 31 bản còn 19 bản, đạt tỷ lệ giảm 38,7%; có 42,1% bản đảm bảo điều kiện theo quy định.

Tinh gọn bộ máy, giảm số lượng đầu mối và giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách nhằm tiết kiệm chi ngân sách; đồng thời phát huy tốt hơn vai trò tự quản, tự chủ và hiệu quả huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư trong xây dựng thiết chế văn hóa, hạ tầng cơ sở và xây dựng nông thôn mới.

Đến 30/6/2026 hoàn thành việc sắp xếp, sáp nhập các bản theo Phương án tổng thể của UBND tỉnh.

Phần thứ tư PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN SẮP XẾP BẢN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP BẢN

1. Sắp xếp, tổ chức lại 21 bản để thành lập 09 bản cụ thể

1.1. Sắp xếp bản Bạng Sản và bản Chằng để thành lập bản Bạng

a) Hiện trạng

- Bản Bạng Sản có 162 hộ; 774 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Chằng có 122 hộ; 520 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Bạng sau khi thành lập có 284 hộ; 1.294 nhân khẩu đảm bảo 189,3% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý: phía Đông giáp bản Huồi Anh, phía Tây giáp bản Tân Lập, phía Nam giáp xã Tuần Giáo, phía Bắc giáp bản Xuân Ban.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, Trường Tiểu học Xuân Ban, có 02 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

Sắp xếp do bản liền kề không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, có nhà văn hóa, lịch sử trước đây cùng 01 bản.

1.2. Sắp xếp bản Bông Ban, bản Biếng và bản Pom Ban để thành lập bản Xuân Ban

a) Hiện trạng

- Bản Bông Ban có 158 hộ; 740 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Biêng có 96 hộ; 468 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Bản Pom Ban có 109 hộ; 479 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Xuân Ban sau khi thành lập có 363 hộ; 1.687 nhân khẩu đảm bảo 242% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý: phía Đông giáp bản Huổi Anh, phía Tây giáp Xuân Ái, phía Nam giáp bản Bẳng, phía Bắc giáp bản Xuân Ớn.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Trường Mầm non Họa Mi, Trường Tiểu học Quài Tở, Trường Tiểu học Xuân Ban, có 01 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, Tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

Sắp xếp do các bản liền kề không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, trước đây là cùng bản....

1.3. Sắp xếp bản Lé Xôm và bản Ta để thành lập bản Xuân Ái

a) Hiện trạng

- Bản Lé Xôm có 176 hộ; 806 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Ta có 103 hộ; 503 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Xuân Ái sau khi thành lập có 279 hộ; 1.309 nhân khẩu đảm bảo 186% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp Xuân Ớn, phía Tây giáp Hoa Ban, phía Nam giáp Xuân Ban, phía Bắc giáp xã Tuần Giáo.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, Trường Tiểu học Quài Tở, Trường THCS&THPT Quài Tở, có 01 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, Tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

Sắp xếp do các bản liền kề không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân....

1.4. Sắp xếp bản Đứa, bản Ớn Pậu và bản Món để thành lập bản Xuân Ớn

a) Hiện trạng

- Bản Đứa có 105 hộ; 518 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Ớn Pậu có 129 hộ; 625 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Món có 137 hộ; 660 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản sau khi sắp xếp

- Bản Xuân Ớn sau khi thành lập có 371 hộ; 1.803 nhân khẩu đảm bảo 247,33% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý: Phía Đông giáp bản Hoa Ban, phía Tây giáp bản Xuân Ban, phía Nam giáp bản Huổi Anh, phía Bắc giáp bản Xuân Ái.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, không có Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

- Sắp xếp do các bản không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

- Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, lịch sử trước đây cùng 01 bản.

1.5. Sắp xếp bản Hới Nọ và bản Hới Trong để thành lập bản Hới

a) Hiện trạng

- Bản Hới Nọ có 140 hộ; 692 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Hới Trong có 96 hộ; 469 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Hới sau khi thành lập có 236 hộ; 1.161 nhân khẩu đảm bảo 157,33% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý: Phía Đông giáp bản Hoa Ban, phía Tây giáp bản Ten Hon, phía Nam giáp bản Ten Hon, phía Bắc giáp bản Xuân Ớn.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, không có Nhà văn hóa, có các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, Tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

Sắp xếp do các bản không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, lịch sử trước đây cùng 01 bản....

1.6. Sắp xếp bản Lói và bản Ngúa để thành lập bản Hoa Ban

a) Hiện trạng

- Bản Lói có 112 hộ; 558 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Ngúa có 126 hộ; 613 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Hoa Ban sau khi thành lập có 238 hộ; 1.171 nhân khẩu đảm bảo 158,67% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp bản Xuân Tươi, phía Tây giáp bản Xuân Ái, phía Bắc giáp bản Chế Á, phía Nam giáp bản Thẩm Nặm.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có 02 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

- Sắp xếp do các bản không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

- Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân....

1.7. Sắp xếp bản Lạ và bản Có để thành lập bản Xuân Tươi

a) Hiện trạng

- Bản Lạ có 96 hộ; 453 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Có có 158 hộ; 797 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Xuân Tươi sau khi thành lập có 254 hộ; 1.250 nhân khẩu đảm bảo 169,33% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý: Phía Đông giáp bản Hua Ca, phía Tây giáp bản Hoa Ban, phía Bắc giáp bản Hua Sa, phía Nam giáp xã Mường É (Sơn La).

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Trường Mầm non Hoa Ban, có 01 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Xòe Thái, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

- Sắp xếp do bản liền kề không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

- Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, phù hợp nguyện vọng của nhân dân....

1.8. Sắp xếp bản Hua Ca và bản Thẳm Pao để thành lập bản Hua Ca

a) Hiện trạng

- Bản Hua Ca có 97 hộ; 459 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Thẳm Pao có 20 hộ; 109 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Hua Ca sau khi thành lập có 117 hộ; 568 nhân khẩu đảm bảo 78% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp Mường É (Sơn La), phía Tây giáp bản Xuân Tươi, phía Nam giáp Mường É (Sơn La), phía Bắc giáp bản Háng Tàu.

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có điểm trường Mầm non Hua Ca, Thẳm Pao, chưa có Nhà văn hóa, có các di sản văn hóa phi vật thể như: Tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

- Sắp xếp do bản liền kề không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

- Hai bản có sự thuận lợi trên cùng tuyến đường giao thông liên bản.... Lịch sử trước đây là 01 bản.

- Bản mới sau sáp nhập vẫn không đảm bảo quy mô dân số theo quy định, do 02 bản khác liền kề, có địa hình chia cắt, nằm biệt lập, giao thông đi lại khó khăn; dân cư sinh sống không tập trung; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao; phong tục, tập quán giữa các cộng đồng dân cư có nhiều khác biệt ...do vậy đề nghị sáp nhập 2 bản này để tạo không gian phát triển mới, phù hợp nguyện vọng của nhân dân.

1.9. Sắp xếp bản Hua Sa A, bản Hua Sa B và bản Sông Ia để thành lập bản Hua Sa

a) Hiện trạng

- Bản Hua Sa A có 125 hộ; 557 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Hua Sa B có 56 hộ; 216 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

- Bản Sông Ia có 41 hộ; 176 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận).

b) Bản mới sau khi sắp xếp

- Bản Hua Sa sau khi thành lập có 222 hộ; 949 nhân khẩu đảm bảo 148% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể:

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp bản Tỏa Tình, phía Bắc giáp bản Chế Á, phía Nam giáp bản Háng Tàu, phía Tây giáp bản Hua Ca).

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Trường Mầm non Tỏa Tình, Trường PTDTBT TH&THCS Tỏa Tình; nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, khu vui chơi, có 02 Nhà văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể như: Tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ...).

c) Lý do sắp xếp (mô tả chi tiết)

Sắp xếp do các bản không đảm bảo tiêu chí trên 150 hộ dân.

Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi (cùng tuyến đường giao thông liên bản), lịch sử trước đây hai bản Hua Sa A, Hua Sa B là 01 bản, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, tạo không gian phát triển....

2. Giữ nguyên 10 bản không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình nhưng có yếu tố đặc thù

2.1. Bản Tân Lập

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 93 hộ; số nhân khẩu: 332 người.

- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, giao thông đi lại thuận lợi, khu thể thao, khu vui chơi, có nhà văn hóa.

b) Lý do:

Bản phi nông nghiệp, phát triển dịch vụ, 100% là dân tộc Kinh sinh sống lâu năm, điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục, tập quán khác với các bản lân cận, liền kề, phù hợp nguyện vọng của nhân dân.

2.2. Bản Háng Tàu

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 87 hộ; số nhân khẩu: 386 người.
- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do:

Bản có địa hình biệt lập, chia cắt, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Hua Sa A 5,0km; Giáp Bản Hua Ca 8,5km; Giáp bản Thảm Pao 13,0km.

2.3. Bản Lồng

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 130 hộ; số nhân khẩu: 574 người.
- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do:

Bản có địa hình biệt lập, chia cắt, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Hua Sa A 8,0km; Giáp bản Tỏa Tình 9,0km; Giáp bản Sông Ia 11,5km.

2.4. Bản Tỏa Tình

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 119 hộ; Số nhân khẩu: 558 người.
- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do:

Bản có địa hình biệt lập, chia cắt, cách xa các bản lân cận: Bản có địa giới hành chính giáp xã Quỳnh Nhai, giáp bản Lồng 9,0km, giao thông không thuận đường với bản Lồng.

2.5. Bản Chế Á

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 77 hộ; số nhân khẩu: 366 người.
- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do:

Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Sông Ia 4,0km; Giáp bản Hua Sa 8,0km.

2.6. Bản Huổi Anh

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 36 hộ; số nhân khẩu: 219 người.

- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do:

Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Bãng Sản 10km; Giáp bản Hối Trong 14km; giáp Bản Ten Hon 9,0km.

2.7. Bản Ten Hon

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 146 hộ; số nhân khẩu: 690 người.

- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Nhà văn hóa, có Trường Mầm non Tênh Phong, Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phong; 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do: Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Huổi Anh 9,0km; giáp bản Hối Nọ 24km; giáp bản Thẳm Nặm 7,0km; giáp bản Há Dừa 10km; giáp bản Xá Tụ 13km.

2.8. Bản Thẳm Nặm

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 21 hộ; số nhân khẩu: 111 người.

- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.

b) Lý do: Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: giáp bản Há Dừa 17km; giáp bản Ten Hon 7,0km.

2.9. Bản Há Dừa

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 61 hộ; Số nhân khẩu: 296 người.

- Số chi bộ bản: 01 chi bộ.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, chưa có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.
- b) Lý do: Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Xá Tự 9,0km; giáp bản Ten Hon 10km; giáp bản Thăm Nặm 17km.

2.10. Bản Xá Tự

- a) Hiện trạng
 - Số hộ gia đình: 90 hộ; Số nhân khẩu: 462 người.
 - Số chi bộ bản: 01 chi bộ.
 - Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Có điện, đường bê tông đi lại thuận lợi, có Nhà văn hóa, 100% dân tộc Mông sinh sống.
 - b) Lý do: Bản có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập, cách xa các bản lân cận: Giáp bản Ten Hon 13km; Giáp bản Há Dừa 10km.

II. Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp thôn/tổ dân phố

Sau khi sắp xếp, tổng số bản trên địa bàn xã là 19 bản; giảm 12 bản, đạt tỷ lệ giảm 38,7%, trong đó:

- 08 bản đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định;
- 11 bản chưa đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

(có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

Phần thứ năm ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN

I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SAU SẮP XẾP

1. Hiệu quả về tổ chức bộ máy và quản lý địa bàn

Sau sắp xếp giảm được 12 bản, tỷ lệ giảm 38,7%, do đó việc sắp xếp, sáp nhập bản là chủ trương đúng đắn, cần thiết nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tế của địa phương.

2. Hiệu quả về sử dụng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy ở bản sẽ được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, người hoạt động không chuyên trách có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu công việc.

Số lượng đầu mối giảm ở mức phù hợp, vừa bảo đảm yêu cầu tinh gọn theo chủ trương chung, vừa không gây áp lực quá lớn đối với công tác quản lý địa bàn, quản lý dân cư và tổ chức hoạt động của chính quyền cơ sở.

Thông qua quá trình sắp xếp sẽ tạo điều kiện rà soát, lựa chọn, bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách có năng lực, uy tín, trách nhiệm và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở bản. Đồng thời, việc giảm đầu mối cũng góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cộng đồng dân cư.

3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội

Sau sắp xếp, các bản có quy mô dân cư phù hợp hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Việc tổ chức lại các bản góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước, giảm chi cho hoạt động bộ máy ở cơ sở; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Khối lượng công việc liên quan đến cập nhật dữ liệu dân cư, địa chỉ hành chính, hồ sơ quản lý, giấy tờ của công dân và tổ chức sau sắp xếp ở mức hợp lý, có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện.

4. Hiệu quả về quốc phòng, an ninh và đoàn kết cộng đồng

Mức độ xáo trộn về tổ chức cộng đồng dân cư, sinh hoạt chi bộ, các đoàn thể và hoạt động tự quản ở bản không quá lớn, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình triển khai thực hiện. Qua đó, tạo điều kiện củng cố, phát huy sức mạnh đoàn kết cộng đồng dân cư; tăng cường vai trò tự quản ở cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Việc sắp xếp, tổ chức lại các bản tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, quản lý dân cư, nắm tình hình cơ sở; góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

5. Hiệu quả về cải cách hành chính và chuyển đổi số

Việc giảm đầu mối góp phần thuận lợi trong công tác quản lý, cập nhật, đồng bộ dữ liệu dân cư, dữ liệu hành chính và triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số tại địa phương.

Sau sắp xếp, việc tổ chức triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý hồ sơ điện tử, tuyên truyền chính sách và giải quyết thủ tục hành chính cho Nhân dân được thực hiện tập trung, thống nhất và hiệu quả hơn; góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện

- Một bộ phận Nhân dân còn tâm lý giữ nguyên tên gọi cũ, dẫn đến khó khăn trong việc thống nhất tên gọi đơn vị sau sáp nhập; một số bản đạt chuẩn “Nông thôn mới” sáp nhập với bản chưa đạt chuẩn.

- Trên địa bàn xã còn 11 bản chưa đạt dân số trên 150 hộ so với quy định không thực hiện sáp nhập được do có địa hình đồi núi chia cắt phức tạp, nằm biệt lập và có yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

- Một số bản còn e ngại việc sáp nhập sẽ làm thay đổi các truyền thống, phong tục riêng của cộng đồng, tạo ra bất tiện trong sinh hoạt hằng ngày và ảnh hưởng đến bản sắc dân tộc.

2. Hạn chế sau sắp xếp

Có một số bản sau sắp xếp, sáp nhập khu dân cư khá xa nhau nên công tác quản trị cộng đồng có thời điểm còn gặp khó khăn.

Việc thay đổi tên bản, địa chỉ hành chính sẽ ảnh hưởng đến: Dữ liệu dân cư, hồ sơ hành chính, giấy tờ của người dân, công tác chuyển đổi số (Khối lượng công việc liên quan đến cập nhật, điều chỉnh dữ liệu hành chính, dữ liệu dân cư, địa chỉ cư trú, hồ sơ quản lý rất lớn).

Sau sắp xếp sẽ phát sinh số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư, ảnh hưởng đến công tác bố trí, giải quyết chế độ, chính sách.

Người hoạt động không chuyên trách ở bản chủ yếu là cán bộ bản chuyên trách, kiêm nhiệm nhiều công việc, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kỹ năng quản lý hành chính ở một số nơi còn hạn chế; từ đó có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý địa bàn, nắm bắt tình hình dân cư và triển khai nhiệm vụ tại cơ sở trong giai đoạn đầu sau sắp xếp.

Sau khi sắp xếp, một số bản có quy mô dân cư và địa bàn quản lý lớn hơn trước, dẫn đến khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ ở bản tăng lên; việc tổ chức sinh hoạt cộng đồng, họp dân, triển khai các phong trào tại các bản quy mô lớn sẽ khó khăn hơn so với hiện nay, nhất là đối với các bản có dân cư phân tán, điều kiện giao thông chưa thật sự thuận lợi.

3. Nguyên nhân

Xã có 31 bản, địa hình miền núi chia cắt, khoảng cách đi lại xa. Trên địa bàn xã có 10 dân tộc cùng sinh sống.

Quy mô các bản trước khi sắp xếp hầu hết nhỏ lẻ, phân tán, tồn tại trong thời gian dài nên đã hình thành tâm lý ổn định trong cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp, tổ chức lại các bản là nhiệm vụ mới, phạm vi tác động rộng, yêu cầu tiến độ thực hiện gấp nhưng phải bảo đảm đúng quy trình, thủ tục, liên quan trực tiếp đến tổ chức bộ máy, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và đời sống Nhân dân nên trong quá trình thực hiện khó tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc nhất định.

Phần thứ sáu ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh: Chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn tiếp tục quan

tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp bản, nhất là về trình tự, thủ tục và hồ sơ theo quy định.

2. Đề nghị Sở Tài chính tỉnh Điện Biên: Xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, tổ chức lấy ý kiến cử tri, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu, cập nhật dữ liệu hành chính, thay đổi biển tên bản sau sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp.

3. Đề nghị Công an tỉnh: Sớm ban hành hoặc hướng dẫn cụ thể việc cập nhật, điều chỉnh thông tin địa chỉ hành chính, cơ sở dữ liệu dân cư và các loại giấy tờ có liên quan của tổ chức và công dân sau khi thực hiện sắp xếp.

4. Đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên:

Tham mưu ban hành Hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện giải quyết chế độ, chính sách phù hợp đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở nhằm tạo điều kiện ổn định tư tưởng và nâng cao chất lượng hoạt động sau sắp xếp.

Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở bản sau sắp xếp nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

Làm tốt công tác ổn định tổ chức bộ máy, tư tưởng đội ngũ cán bộ, người hoạt động ở bản sau sắp xếp; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong cộng đồng dân cư.

(Có các Phụ lục đính kèm Đề án: Các phụ lục số 01; 02).

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại các bản trên địa bàn xã Quài Tở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Điện Biên (B/c);
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- LĐ UBND xã;
- UB MTTQVN và các đoàn thể xã;
- Các ban, cơ quan, đơn vị, tổ chức, CB, CC, VC, NLĐ trên địa bàn xã;
- Bí thư, trưởng bản, nhân dân trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VH-XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nhữ Duy Đông

